TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 6 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hồng Thùy

Ông Nguyễn Thanh Tiến

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2022/TLST–HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1775/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Peng L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số H, B, thôn H, thị trấn V, Thành phố G, tỉnh An Huy, Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2022; bản khai ngày 07/11/2022 và văn bản xin vắng mặt ngày 22/7/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D *trình bày như sau:*

Bà và ông Peng L sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau thì có đăng ký kết hôn tại Sở dân chính tỉnh A, Trung Quốc và đã ghi vào sổ các việc hộ tịch đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài số 18/STP-XN tại Sở

Tư pháp theo giấy chứng nhận kết hôn số BJ340000-2012-000012 ngày 11/02/2011. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết. Từ đó khiến cho vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, nên vào năm 2014 bà về Việt Nam sinh sống và ly thân từ đó cho đến nay.Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn,mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Peng L, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà D và ông L có một con chung là cháu Peng Xiao W, sinh ngày 27/5/2012, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại công việc của bà bận rộn nên không thể tham gia vụ kiện. Do đó, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Toà án.

Theo bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 30/11/2022, bị đơn ông Peng L *trình bày:*

Ông thống nhất với bà D về hoàn cảnh quen biết và thời gian ông bà kết hôn. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà D thì ông cũng đồng ý. Cụ thể:

- Về hôn nhân: Ông Peng L đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Ngọc D.

Về con chung: Ông đồng ý để bà Nguyễn Ngọc D được nuôi con chung là cháu Peng Xiao W, sinh ngày 27/5/2012, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, ông Peng L đang làm việc và sinh sống tại Trung Quốc, sức khỏe ông không được tốt, cũng như không có điều kiện về Việt Nam tham gia vụ kiện nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Toà.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và Nguyễn Ngọc D và bị đơn ông Peng L là ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D có địa chỉ ở Việt Nam; bị đơn ông Peng L hiện đang sinh sống và có địa chỉ ở nước ngoài (Trung Quốc) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc D và ông Peng L có xác lập hôn nhân với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở dân chính tỉnh A, Trung Quốc và đã ghi vào sổ các việc hộ tịch đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài số 18/STP-XN tại Sở Tư pháp theo giấy chứng nhận kết hôn số BJ340000-2012-000012 ngày 11/02/2011,nên hôn nhân giữa bà D và ông L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông bà có xảy ra mẫu thuẫn và bất đồng quan điểm mà không thể giải quyết, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống.Năm 2014, bà D trở về Việt Nam sinh sống và ly thân với ông L từ đó cho đến nay. Ông Peng L có văn bản trình bày thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của bà D; ông cho rằng hiện nay cuộc hôn nhân giữa ông và bà D không còn hạnh phúc, ông yêu cầu Tòa án sớm giải quyết vụ án để hai bên ổn định cuộc sống mới. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của bà D và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà D yêu cầu ly hôn với ông L là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc D với ông Peng L. Bà D và ông L đều không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà D và ông L có 01 con chung là cháu Peng Xiao W, sinh ngày 27/5/2012. Bà D có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L cũng đồng ý để bà D nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.Tại biên bản lấy ý kiến của con chung là cháu P Xia Wei có trình bày: "*Cháu từ nhỏ đến lớn được mẹ chăm sóc, hiện nay cháu chung sống với bà ngoại tại tỉnh Sóc Trăng, chị* D *là mẹ của cháu mặc dù đi làm xa, nhưng thường xuyên về thăm cháu, cũng như chu cấp đầy đủ về vật chất để ông bà nuôi cháu. Nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng theo mẹ, bởi cuộc sống hiện nay của cháu đã ổn định*". Nhận thấy, việc bà D và ông L thỏa thuận để bà D nuôi con chung là cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu W, đồng thời đảm bảo tốt điều kiện về vật chất và tinh thần đối với cháu W. Do đó, giao cháu Peng Xiao W cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà D và ông L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà D và ông L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Nguyễn Ngọc D phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc D và ông Peng L.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc D được ly hôn với ông Peng L.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc D được trực tiếp nuôi con chung là cháu Peng Xiao W, sinh ngày 27/5/2012. Ông Peng L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D tự nguyện không yêu cầu..

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3.Về tài sản chung: Bà D và ông L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà D và ông L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên

không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000703 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà D đã nộp xong.

Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực tế thực hiện uỷ thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000713 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự Bến Tre.

3. Bà Nguyễn Ngọc D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Peng L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt